

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ biên bản hoà giải thành ngày 14 tháng 3 năm 2018 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 04/2018/TLST-KDTM ngày 16 tháng 1 năm 2018.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

* Nguyên đơn: **Tổng công ty XDCTGTX - Công ty cổ phần** - Trụ sở: 127 đường H, phường 3, quận T, thành phố Hồ Chí Minh. Đại diện theo ủy quyền của Tổng giám đốc có ông Phạm Tiên T - Chức vụ: Giám đốc Xí nghiệp thi công cơ giới Y - Tổng công ty XDCTGTX - Công ty cổ phần - Địa chỉ: Tổ 19 phường T, quận L, thành phố Đà Nẵng.

* Bị đơn: **Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại V** - Trụ sở: 05 đường T, phường Tr, quận L, thành phố Đà Nẵng. Đại diện theo pháp luật có ông Trần Tuấn Tr - Chức vụ: Tổng giám đốc Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại V.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại V chấp nhận trả cho Tổng công ty XDCTGTX – Công ty cổ phần số tiền 204.811.820đ (*Hai trăm linh tư triệu tám trăm mười một nghìn tám trăm hai mươi đồng*) với phương thức thanh toán như sau:

- Ngày 30 tháng 3 năm 2018 trả 60.000.000đ.
- Ngày 30 tháng 4 năm 2018 trả 60.000.000đ.
- Ngày 30 tháng 6 năm 2018 trả 84.811.820đ.

Kể từ ngày Tổng công ty XDCTGTX – Công ty cổ phần có đơn yêu cầu thi hành án nếu Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại V không thực hiện nghĩa vụ trả tiền như đã thoả thuận thì hàng tháng Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại V còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 5.120.295đ Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại V tự nguyện chịu. Tổng công ty XDCTGTX – Công ty cổ phần không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, hoàn trả cho Tổng công ty XDCTGTX – Công ty cổ phần số tiền tạm ứng án phí là 6.552.544đ Tổng công ty XDCTGTX – Công ty cổ phần đã nộp theo biên lai thu số 0238 ngày 16 tháng 01 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Vũ Việt Dũng

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN CẨM LỆ - TP ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Cẩm Lệ, ngày 14 tháng 7 năm 2016

**BIÊN BẢN
GHI NHẬN SỰ TỰ NGUYỆN LY HÔN VÀ HÒA GIẢI THÀNH**

Căn cứ vào khoản 5 Điều 211 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân gia đình 2014.

Căn cứ vào Biên bản hòa giải ngày 14 tháng 7 năm 2016.

Xét thấy các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 130/2016/TLST-HNGĐ ngày 15/6/2016.

Lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành các vấn đề có tranh chấp trong vụ án do các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận với nhau v/v giải quyết toàn bộ vụ án. Cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị Tình và ông Kiều Phước Sơn tự nguyện thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà Đỗ Thị Tình và ông Kiều Phước Sơn thỏa thuận giao con chung tên Kiều Viết Hữu, sinh ngày 17/5/2007 cho ông Sơn nuôi dưỡng, giao con chung tên Kiều Viết Đạt, sinh ngày 17/11/2011 cho bà Tình nuôi dưỡng. Không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Các bên đương sự có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết, vì lợi ích con chung các bên đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung; nợ chung: Không có.

- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 100.000 đồng (Một trăm ngàn đồng) bà Đỗ Thị Tình tự nguyện chịu nhưng được trừ vào số tiền 200.000 đ (Hai trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 00753 ngày 15/6/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ. Hoàn trả cho bà Đỗ Thị Tình 100.000 đồng (Một trăm ngàn đồng)

Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, nếu đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận trên đây, thì phải làm thành văn bản gửi cho Tòa án. Hết thời hạn này, nếu không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó, thì Tòa án ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự và quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Các đương sự tham gia phiên hòa giải

**Thẩm phán
Chủ trì phiên hòa giải**

Phiên họp kết thúc lúc 16 giờ 30 cùng ngày.

**Thẩm phán- Chủ trì
Phiên hòa giải**

**Thư ký Tòa án
ghi biên bản hòa giải**

**Các đương sự
tham gia phiên hòa giải**

BIÊN BẢN HOÀ GIẢI

Hôm nay, ngày tháng năm 2014, vào hồi giờ phút.

Tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lê, TP Đà Nẵng.

Bắt đầu tiến hành phiên hoà giải để các đương sự thoả thuận với nhau V/v giải quyết vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 130/2014/TLST-HNGĐ ngày 13/8/2014.

I. Những người tiến hành tổ tụng:

- Thẩm phán chủ trì phiên hòa giải: Bà Nguyễn Thị Lệ Hằng
- Thư ký Tòa án ghi biên bản hòa giải: Bà Lê Thị Tú Uyên

II. Những người tham gia phiên hòa giải:

1. Nguyên đơn: Bà Hồ Thị Ái Thảo, sinh năm 1990; địa chỉ: 2/15 K12 đường Ưng Bình, TP Huế; có mặt.

2. Bị đơn: Ông Trịnh Ngọc Khoa, sinh năm 1986; địa chỉ: 477 Cách Mạng Tháng Tám, phường Hòa Thọ Đông, quận Cẩm Lê, TP Đà Nẵng; có mặt.

PHẦN THỦ TỤC BẮT ĐẦU PHIÊN HOÀ GIẢI

Thư ký Toà án báo cáo về sự có mặt, vắng mặt của những người tham gia phiên hoà giải đã được Toà án thông báo.

Thẩm phán chủ trì phiên hòa giải kiểm tra lại sự có mặt và căn cước của những người tham gia phiên hòa giải.

Thẩm phán chủ trì phiên hòa giải phổ biến cho các đương sự biết các quy định của pháp luật có liên quan đến việc giải quyết vụ án để các bên liên quan liên hệ đến quyền, nghĩa vụ của mình, phân tích hậu quả pháp lý của việc hòa giải thành để họ tự nguyện thoả thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

PHẦN TRÌNH BÀY CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

* Nguyên đơn, bà Hồ Thị Ái Thảo trình bày: Tôi và ông Trịnh Ngọc Khoa kết hôn ngày 03/12/2011 có đăng ký kết hôn tại UBND phường Hòa Thọ Đông, quận Cẩm Lê, TP Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Hai vợ chồng chung sống được khoảng một tháng thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do đời sống vợ chồng không hòa hợp, luôn xảy ra tranh chấp không thể hòa giải được. Tôi đã về nhà mẹ ruột ở thành phố Huế sinh sống. Tôi nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi có nguyện vọng được ly hôn với ông Trịnh Ngọc Khoa.

- Về con chung: Không có.
- Về tài sản chung: Không có.
- Về nợ chung: Không có.

* Bị đơn, ông Trịnh Ngọc Khoa trình bày: Về thời gian và điều kiện kết hôn như cô Thảo trình bày là đúng. Kể từ đầu năm 2012 đến nay hai vợ chồng đã không còn sống chung với nhau nữa nguyên nhân là do không hợp nhau về tính

tình dẫn đến mâu thuẫn về mặt tình cảm. Tôi nhận thấy đã không còn tình cảm với cô Thảo nữa nên đồng ý ly hôn với bà Thảo.

- Về con chung: Không có.
- Về tài sản chung: Không có.
- Về nợ chung: Không có.

NHỮNG NỘI DUNG NHỮNG NGƯỜI THAM GIA PHIÊN HÒA GIẢI ĐÃ THỎA THUẬN ĐƯỢC VÀ KHÔNG THỎA THUẬN ĐƯỢC

** Sau khi nghe Thẩm phán- chủ trì phiên hòa giải thích và hòa giải theo hướng đoàn tụ để bà Thảo và ông Khoa cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng bà Thảo, ông Khoa vẫn cương quyết xin ly hôn, các bên đi đến thống nhất như sau:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Hồ Thị Ái Thảo và ông Trịnh Ngọc Khoa tự nguyện thuận tình ly hôn.
- Về con chung: Không có.
- Về tài sản chung: Không có.
- Về nợ chung: Không có.
- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 100.000 đồng (Một trăm ngàn đồng) bà Hồ Thị Ái Thảo phải chịu nhưng được trừ vào số tiền 200.000 đ (Hai trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002427 ngày 13/8/2014 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ. Hoàn trả cho bà Hồ Thị Ái Thảo 100.000 đồng (Một trăm ngàn đồng)

Phiên hòa giải kết thúc lúc giờ cùng ngày.

**Thẩm phán- Chủ trì
Phiên hòa giải**

**Thư ký Tòa án
ghi biên bản hòa giải**

**Các đương sự
tham gia phiên hòa giải**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN CẨM LỆ - TP ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Cẩm Lệ, ngày 31 tháng 5 năm 2016

BIÊN BẢN GHI NHẬN SỰ TỰ NGUYỆN LY HÔN VÀ HÒA GIẢI THÀNH

Căn cứ vào khoản 2 Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân gia đình 2014.

Căn cứ vào Biên bản hòa giải ngày 31 tháng 5 năm 2016.

Xét thấy các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 77/2016/TLST-HNGĐ ngày 20/4/2016.

Lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành các vấn đề có tranh chấp trong vụ án do các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận với nhau v/v giải quyết toàn bộ vụ án. Cụ thể như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: bà Vũ Thị Dung và ông Nguyễn Văn Nhiên tự nguyện thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: bà Vũ Thị Dung và ông Nguyễn Văn Nhiên xác nhận có 02 con chung tên: Nguyễn Văn Nhật Thiên, sinh ngày: 15/7/2004 và Nguyễn Thị Hoàng Nhi, sinh ngày 15/7/2008.

Ly hôn, bà Vũ Thị Dung và ông Nguyễn Văn Nhiên thỏa thuận giao 02 con chung tên Nguyễn Thị Hoàng Nhi và Nguyễn Văn Nhật Thiên cho ông Nguyễn Văn Nhiên trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Dung không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Dung có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết, vì lợi ích con chung các bên đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Dung và ông Nhiên không yêu cầu giải quyết.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 100.000đ, bà Vũ Thị Dung tự nguyện chịu, nhưng được trừ vào 200.000đ tiền tạm ứng án phí (đã nộp tại biên lai thu số 00666 ngày 19/4/2016 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ. Hoàn trả cho bà Vũ Thị Dung 100.000 đ (Một trăm ngàn đồng).

Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, nếu đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận trên đây, thì phải làm thành văn bản gửi cho Tòa án. Hết thời hạn này, nếu không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó, thì Tòa án ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự và quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Các đương sự tham gia phiên hòa giải

**Thẩm phán
Chủ trì phiên hòa giải**

Số: 325/2017/QĐST-HNGĐ

Cẩm Lệ, ngày 29 tháng 11 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 253/2017/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2017 giữa:

* Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Hương** - Sinh năm 1983 - Địa chỉ: 165 Ông Ích Đường, phường Khuê Trung, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

* Bị đơn: Ông **Nguyễn Quang Trung** - Sinh năm 1975 - Địa chỉ: Tổ 42 phường Khuê Trung, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 54 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 11 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 11 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự đoàn tụ thành giữa bà Nguyễn Thị Hương và ông Nguyễn Quang Trung.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hương và ông Nguyễn Quang Trung thống nhất đoàn tụ để cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình và nuôi dưỡng con cái.

Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000đ bà Nguyễn Thị Hương tự nguyện chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị Hương đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 4998 ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Hương số tiền là 150.000đ.

3. Quyết định có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- UBND phường Khuê Trung;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Vũ Việt Dũng

1.	Mẫu số 01 - HS	Phân công Phó Chánh án Tòa án, Thẩm phán, Hội thẩm giải quyết, xét xử vụ án hình sự
2.	Mẫu số 02 - HS	Phân công Thư ký Tòa án tiến hành tổ tụng đối với vụ án hình sự; quyết định phân công Thẩm tra viên thẩm tra hồ sơ vụ án hình sự
3.	Mẫu số 03 - HS	Thay đổi Thẩm phán, Hội thẩm, Thư ký trước khi mở phiên tòa
4.	Mẫu số 04 - HS	Quyết định tạm giam (áp dụng trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm đối với bị can, bị cáo đang bị tạm giam)
5.	Mẫu số 05 - HS	Quyết định tạm giam (áp dụng biện pháp tạm giam cho đến khi kết thúc phiên tòa sơ thẩm đối với bị cáo đang bị tạm giam)
6.	Mẫu số 06 - HS	Quyết định bắt, tạm giam (áp dụng trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm đối với bị can, bị cáo đang được tại ngoại)
7.	Mẫu số 07 - HS	Quyết định tạm giam (áp dụng tại phiên tòa sơ thẩm hoặc khi kết thúc phiên tòa sơ thẩm đối với bị cáo đang bị tạm giam)
8.	Mẫu số 08 - HS	Quyết định bắt, tạm giam (áp dụng khi kết thúc phiên tòa đối với bị cáo đang được tại ngoại)
9.	Mẫu số 09 - HS	Quyết định tạm giam (áp dụng trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm đối với bị cáo đang bị tạm giam)
10.	Mẫu số 10 - HS	Quyết định bắt, tạm giam (áp dụng trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm đối với bị cáo đang được tại ngoại)
11.	Mẫu số 11 - HS	Quyết định tạm giam (áp dụng tại phiên tòa phúc thẩm hoặc khi kết thúc phiên tòa phúc thẩm đối với bị cáo đang bị tạm giam)
12.	Mẫu số 12 - HS	Quyết định bắt, tạm giam (áp dụng khi kết thúc phiên tòa đối với bị cáo đang được tại ngoại)
13.	Mẫu số 13 - HS	Thông báo về việc người bào chữa tham gia tố tụng
14.	Mẫu số 14 - HS	Quyết định áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh (dùng cho Chánh án, Phó Chánh án Tòa án trong giai đoạn xét xử)
15.	Mẫu số 15 - HS	Quyết định đình chỉ biện pháp bắt buộc chữa bệnh
16.	Mẫu số 16 - HS	Quyết định áp dụng thủ tục rút gọn
17.	Mẫu số 17 - HS	Quyết định hủy bỏ Quyết định áp dụng thủ tục rút gọn
18.	Mẫu số 18 - HS	Quyết định trưng cầu giám định (dùng cho Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án khi có yêu cầu)
19.	Mẫu số 19 - HS	Quyết định trưng cầu giám định (dùng cho Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án khi xét thấy cần thiết)
20.	Mẫu số 20 - HS	Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm
21.	Mẫu số 21 - HS	Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm
22.	Mẫu số 22 - HS	Mẫu Biên bản phiên tòa hình sự sơ thẩm

23.	Mẫu số 23 - HS	Mẫu Biên bản phiên tòa hình sự phúc thẩm
24.	Mẫu số 24 - HS	Mẫu Biên bản phiên tòa hình sự giám đốc thẩm
25.	Mẫu số 25 - HS	Mẫu Biên bản nghị án sơ thẩm
26.	Mẫu số 26 - HS	Mẫu Biên bản nghị án phúc thẩm
27.	Mẫu số 27 - HS	Mẫu Biên bản hình sự sơ thẩm
28.	Mẫu số 28 - HS	Mẫu Biên bản hình sự phúc thẩm
29.	Mẫu số 29 - HS	Thông báo sửa chữa, bổ sung bản án (quyết định)
30.	Mẫu số 30 - HS	Quyết định trả hồ sơ vụ án
31.	Mẫu số 31 - HS	Biên bản về việc giao, nhận hồ sơ vụ án và bản cáo trạng
32.	Mẫu số 32 - HS	Thông báo về việc giải quyết yêu cầu, đề nghị trước khi mở phiên tòa
33.	Mẫu số 33 - HS	Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung (dùng cho Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa)
34.	Mẫu số 34 - HS	Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung (dùng cho Hội đồng xét xử)
35.	Mẫu số 35 - HS	Thông báo yêu cầu bổ sung tài liệu, chứng cứ
36.	Mẫu số 36 - HS	Quyết định tạm đình chỉ vụ án (dùng cho Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa)
37.	Mẫu số 37 - HS	Quyết định tạm đình chỉ vụ án (dùng cho Hội đồng xét xử)
38.	Mẫu số 38 - HS	Quyết định tạm đình chỉ vụ án và áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh (dùng cho Hội đồng xét xử sơ thẩm)
39.	Mẫu số 39 - HS	Quyết định đình chỉ vụ án (dùng Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa)
40.	Mẫu số 40 - HS	Quyết định đình chỉ vụ án (dùng cho Hội đồng xét xử sơ thẩm)
41.	Mẫu số 41 - HS	Quyết định phục hồi vụ án (dùng cho Chánh án Tòa án, Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa)
42.	Mẫu số 42 - HS	Quyết định gia hạn thời hạn chuẩn bị xét xử
43.	Mẫu số 43 - HS	Quyết định hoãn phiên tòa (dùng cho Hội đồng xét xử)
44.	Mẫu số 44 - HS	Quyết định hoãn phiên tòa (dùng cho Chánh án Tòa án)
45.	Mẫu số 45 - HS	Biên bản về việc kháng cáo
46.	Mẫu số 46 - HS	Quyết định giải quyết việc kháng cáo, kháng nghị đối với Quyết định tạm đình chỉ (đình chỉ) vụ án

47.	Mẫu số 47 - HS	Quyết định về việc giải quyết kháng cáo quá hạn
48.	Mẫu số 48 - HS	Thông báo về việc kháng cáo (kháng nghị)
49.	Mẫu số 49 - HS	Thông báo về việc rút kháng cáo (kháng nghị)
50.	Mẫu số 50 - HS	Thông báo về việc thay đổi, bổ sung kháng cáo (kháng nghị)
51.	Mẫu số 51 - HS	Quyết định đình chỉ việc xét xử phúc thẩm (dùng cho Thẩm phán chủ tọa phiên tòa)
52.	Mẫu số 52 - HS	Quyết định đình chỉ việc xét xử phúc thẩm (dùng cho Hội đồng xét xử)
53.	Mẫu số 53 - HS	Thông báo về việc tiếp nhận Đơn đề nghị giám đốc thẩm/Kiến nghị giám đốc thẩm/Thông báo bản án (quyết định) của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật cần xem xét lại theo thủ tục giám đốc thẩm
54.	Mẫu số 54 - HS	Quyết định rút hồ sơ vụ án hình sự
55.	Mẫu số 55 - HS	Thông báo giải quyết Đơn đề nghị giám đốc thẩm/Kiến nghị giám đốc thẩm/Thông báo bản án (quyết định) của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật cần xem xét lại theo thủ tục giám đốc thẩm
56.	Mẫu số 56 - HS	Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm
57.	Mẫu số 57 - HS	Quyết định thay đổi (bổ sung, rút) kháng nghị giám đốc thẩm
58.	Mẫu số 58 - HS	Quyết định đình chỉ xét xử giám đốc thẩm
59.	Mẫu số 59 - HS	Quyết định giám đốc thẩm
60.	Mẫu số 60 - HS	Quyết định khởi tố vụ án hình sự